

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba;

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản uỷ quyền đề ngày 17/8/2024 (có mặt).

Bị đơn: chị Trần Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị L - chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà L và chị P không có quan hệ bà con ruột thịt, bà L và chị P chỉ có mối quan hệ quen biết do sống gần nhà. Chị P là hội viên tham gia góp hội do bà L làm chủ hội.

Chị P có tham gia góp hội do bà L làm chủ hội từ trước năm 2020, các dây hội tham gia đã mãn hết. Đến năm 2023, chị P có tham gia góp thêm 02 dây hội do bà L làm chủ hội gồm:

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10/01/2023 âm lịch. Hội gồm 32 phần, hội khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, hội mãn vào ngày 10/7/2025 âm lịch. Chị P tham gia góp 01 phần và đã hót hội. Sau khi hót hội chị P đóng hội chết được 18 kỳ, đến tháng 7/2024 chị P ngưng đóng hội. Chị P còn nợ lại bà L 14 kỳ hội chết với số tiền hội chết 28.000.000 đồng. Bà L phải chằng hội chết thay cho chị P dây hội này.

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 dương lịch. Hội gồm 29 phần, hội khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, hội mãn vào ngày 05/9/2025 dương lịch. Chị P tham gia góp 01 phần và phần hội này chưa hót. Chị P đã đóng được 14 kỳ hội với số tiền vốn góp là 19.290.000 đồng, số tiền lãi theo thỏa thuận của các hội viên là 8.710.000 đồng. Đến tháng 7/2024 chị P tự ý ngưng hội không đóng hội dây hội này. Bà L phải đóng hội sống thay cho chị P dây hội này.

Nay bà L khởi kiện buộc chị P trả cho bà số tiền hội chết là 28.000.000 đồng và số tiền bà L chằng hội sống cho chị P là 3.890.000 đồng. Buộc chị P tiếp tục thực hiện hợp đồng góp hội đối với phần hội sống 2.000.000 đồng mở ngày 15/5/2023. Bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.890.000 (ba triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng.

Trường hợp chị P không đồng ý tiếp tục góp hội đối với dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/5/2023 thì bà L đồng ý căn trừ số tiền hội gốc chị P được trong dây hội này. Buộc chị P tiếp tục trả số tiền hội chết 8.710.00 đồng chị P còn nợ lại bà L. Ngoài ra bà L không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L là Giấy đăng hội, sổ sách theo dõi 02 dây hội (bản chính, bản photo). Ngoài ra bà L không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Về án phí đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Trần Huỳnh Ngọc P trình bày:

Chị và bà L không có quan hệ bà con ruột thịt. chị và bà L chỉ có mối quan hệ quen biết do bà L sống gần nhà chồng chị. Chị là hội viên tham gia góp hội do bà L làm chủ hội.

Chị thừa nhận có tham gia góp hội do bà L làm chủ hội từ trước năm 2020, các dây hội chị tham gia đã mãn hết. Đến năm 2023, chị có tham gia góp thêm 02 dây hội do bà L làm chủ hội gồm:

Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10/01/2023 âm lịch. Hội gồm 32 phần, hội khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, hội mãn vào ngày 10/6/2025

âm lịch (tháng 6 đầu). Chị tham gia góp 01 phần và đã hót hụi hết 01 phần ngày 10/10/2023 (âm lịch), được số tiền 49.870.000 đồng, đã trừ tiền cò 1.000.000 đồng. Chị còn nợ lại bà L 14 kỳ hụi chết với số tiền hụi chết 28.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 dương lịch. Hụi gồm 29 phần, hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, hụi mãn vào ngày 05/9/2025 dương lịch. Chị tham gia góp 01 phần và phần hụi này chị chưa hót. Chị đã đóng được 14 kỳ hụi với số tiền vốn góp và lãi hụi và 28.000.000 đồng. Chị đã góp được bao nhiêu tiền vốn góp thì chị không nhớ lý do chị chỉ đưa tiền hụi gốc cho bà L, chị không có ghi chép việc góp hụi, không có sổ sách theo dõi nên không nắm được chị góp được bao nhiêu tiền hụi gốc và lãi hụi được hưởng là bao nhiêu.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hiện nay chị có nợ bà L số tiền hụi chết 28.000.000 đồng, tuy nhiên bà L còn nợ lại chị số tiền hụi sống là 28.000.000 đồng. Chị yêu cầu bà L cân trừ qua lại giữa hụi sống và hụi chết. Hiện nay chị không còn thiếu nợ bà L khoản tiền nào khác. Lý do chị không tiếp tục góp hụi cho bà L là vào ngày 08/6/2024 dương lịch bà L có họp các hụi viên lại yêu cầu các hụi viên ngoài đóng tiền cò cho chủ hụi 1.000.000/1 chân hụi khi hót thì bà L xin các hụi viên 1.000.000 đồng/1 chân khi hụi hót hụi. Chị không đồng ý, nên chị ngưng góp hụi sống, hụi chết cho bà L trong các dây hụi từ ngày 15/6/2024 cho đến nay. Về án phí đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bà L đã chàng hụi sống cho chị P 3.890.000 đồng và số tiền hụi chết 19.290.000 đồng với tổng cộng số tiền là 23.180.000 đồng; bà L rút lại yêu cầu khởi kiện buộc chị P tiếp tục góp hụi dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 dương lịch. Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết là 8.710.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi.

Chị P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Chị P không có yêu cầu phản tố đối với bà L trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, bêu, phường; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với chị Trần Huỳnh Ngọc P. Chị P có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền hụi chết 8.710.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 23.180.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà L vắng mặt có người đại diện theo uỷ quyền chị Nguyễn Thị Ngọc T có mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L thì thấy rằng: Bà L khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền hụi chết còn nợ lại là 8.710.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P đều thừa nhận chị P có tham gia góp 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi gồm dây hụi 2000.000 đồng khai ngày 10/01/2023 âm lịch và dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 dương lịch. Dây hụi ngày 10/01/2023 âm lịch chị P đã hốt và còn nợ lại 14 kỳ hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng. Chị P yêu cầu cản trừ số tiền hụi sống và lãi hụi chị P đã đóng được cho bà L 14 kỳ trong dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 âm lịch là 28.000.000 đồng vào số tiền hụi chết chị P còn nợ lại bà L. Chị P không đồng ý trả cho bà L số tiền 8.710.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án chị P không cung cấp được số tiền hụi gốc chị P đã đóng được trong dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/5/2023 âm lịch. Căn cứ vào sổ sách theo dõi và lời trình bày của bà L thì chị P đã đóng được số tiền hụi gốc của dây hụi này là 19.290.000 đồng.

Quá trình tham gia góp hụi dây hụi ngày 15/5/2023, chị P đã tự ý ngưng hụi tại kỳ hụi thứ 14, căn cứ vào Điều 10 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Chị P tự ý ngưng hụi thì chị P chỉ được nhận lại số tiền hụi gốc đã góp là 19.290.000 đồng, không được nhận số tiền lãi hụi 8.710.000

đồng. Bà L đồng ý căn trừ số tiền hội gốc 19.290.000 đồng chị P góp được vào số tiền hội chết 28.000.000 đồng chị P còn nợ lại.

Căn cứ vào quy định tại Điều 9, 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, Chị P có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hội chết còn nợ lại là 8.710.000 đồng còn nợ lại.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.180.000 (hai mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Về án phí: theo quy định tại Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Lê Thị L1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.097.250 đồng theo biên lai thu số 0009995 ngày 18/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Huỳnh Thị P1 phải chịu án phí 5%/phần yêu cầu khởi kiện của bà L1 được chấp nhận 8.710.000 đồng là: $8.710.000 \text{ đồng} \times 5\% = 435.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” đối với chị Trần Huỳnh Ngọc P.

Chị Trần Huỳnh Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền hội chết 8.710.000 (tám triệu bảy trăm mười nghìn) đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu buộc chị P trả số tiền 23.180.000 (hai mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Lê Thị L không phải chịu án phí; hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.097.250 (một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0009995 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (do Nguyễn Thị Ngọc T nộp thay).

Chị Trần Huỳnh Ngọc P phải chịu 435.500 (bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà L, chị P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân